ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày …..... tháng ……. năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chuyên ngành cấp nước thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD; Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-TTg ngày 21/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố về kiện toàn Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 226/TB-HĐTĐ ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thành phố Đà Nẵng

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng tại Tờ trình số ……/TTr-BQLDDHTKT ngày ..... tháng ..... năm 2026 và Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chuyên ngành cấp nước thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính thành phố Đà Nẵng (bao gồm đặc khu Hoàng Sa) và phần không gian biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp thành phố Huế;
- Phía Nam: giáp tỉnh Quảng Ngãi;
- Phía Tây: giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;
- Phía Đông: giáp Biển Đông.

b) Quy mô: Diện tích tự nhiên của thành phố khoảng 11.870,34 km2 và phần không gian biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2040; dài hạn đến năm 2050; tầm nhìn đến năm 2075.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống cấp nước trong Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 tại Quyết định số 2016/QĐ-TTg ngày 21/10/2026, phù hợp với Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến

năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 và các định hướng, chiến lược ngành nước hiện hành.

- Xác lập chương trình phát triển hệ thống cấp nước toàn thành phố một cách hợp lý, đồng bộ, có kế hoạch cho giai đoạn ngắn hạn đến năm 2040, dài hạn đến năm 2050 và tầm nhìn đến năm 2075.

- Bảo đảm cấp nước an toàn; quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước; giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch.

- Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân; đáp ứng nhu cầu cấp nước phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Hướng tới phát triển ổn định, bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu các nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Tạo cơ sở để triển khai các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước và hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

- Quản lý, triển khai quy hoạch cấp nước phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương 02 cấp của thành phố Đà Nẵng.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch

- Thành phố trực thuộc trung ương, trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á; cực tăng trưởng về du lịch; trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ; trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học và công nghệ; đô thị có vị trí chiến lược trong hệ thống đô thị quốc gia, đầu mối giao thông và viễn thông chiến lược, kết nối đồng bộ các loại hình vận tải quốc gia.

- Trung tâm thương mại tự do, tài chính, văn hóa và tổ chức sự kiện quốc tế; trung tâm kết nối, lan tỏa các giá trị di sản thế giới; trung tâm trung chuyển hàng hóa và giao thông quốc tế thông qua hệ thống cảng biển, cảng hàng không; cửa ngõ ra biển quan trọng của tiểu vùng sông Mê Kông kết nối với ASEAN và quốc tế.

- Cực tăng trưởng phía Bắc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; đầu mối kết nối vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với vùng Bắc Trung Bộ, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các nước ASEAN; Trung tâm liên kết, lan tỏa các giá trị di sản thế giới.

- Địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

a) Dân số, lao động, khách du lịch

- Quy mô dân số (bao gồm dân số dự kiến cho các khu vực lấn biển):

+ Đến năm 2040: khoảng 5,5 triệu người, trong đó dân thường trú khoảng

4,7 triệu người.

+ Đến năm 2050: trên 6,5 triệu người, trong đó dân số thường trú khoảng 5,4 triệu người.

- Quy mô lao động: Dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 55 - 60% dân số thường trú đến năm 2040, tương đương khoảng 2,58 - 2,82 triệu người; khoảng 60 - 65% dân số thường trú đến năm 2050, tương đương khoảng 3,24 - 3,51 triệu người.

- Khách du lịch, lưu trú: Khoảng 105 - 110 triệu lượt vào năm 2040; khoảng 130 - 135 triệu lượt vào năm 2050.

b) Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch (các nhà máy, trạm bơm và các công trình khác có liên quan) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn, tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành và phù hợp với đặc điểm từng khu vực đô thị, nông thôn, biển và hải đảo và các khu vực có tính chất đặc thù.

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

a) Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu:

- Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực nghiên cứu; dự báo tăng trưởng dân số của các khu vực đô thị, nông thôn, biển và hải đảo.

- Điều tra, thu thập các quy hoạch, chương trình, dự án có liên quan: quy hoạch thành phố, quy hoạch chung, các quy hoạch xây dựng, quy hoạch vùng, quy hoạch tài nguyên nước và các quy hoạch chuyên ngành (thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, thoát nước và vệ sinh môi trường, công nghiệp…); các chương trình, dự án cấp nước đô thị, nông thôn và các dự án hạ tầng kỹ thuật có liên quan trên địa bàn.

- Điều tra, thu thập tài liệu hiện trạng hệ thống cấp nước: nhà máy nước đô thị, trạm cấp nước nông thôn, công trình thu, trạm bơm tăng áp, mạng lưới đường ống, áp lực nước, tỷ lệ cấp nước, tỷ lệ đấu nối, tỷ lệ thất thoát - thất thu; hiện trạng mô hình tổ chức quản lý nhà nước, tổ chức quản lý vận hành, năng lực và trang thiết bị của các đơn vị cấp nước đô thị, nông thôn trên địa bàn.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng và rà soát các quy hoạch, chương trình, dự án có liên quan:

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực nghiên cứu.

- Phân tích, đánh giá tổng thể hiện trạng nguồn nước: hiện trạng ô nhiễm nguồn nước, diễn biến trữ lượng và chất lượng nguồn nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn thành phố; đánh giá diễn biến xâm nhập mặn trên sông Cầu Đỏ, sông Túy Loan, hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Vĩnh Điện, sông Cu Đê,…, làm cơ sở đề xuất phương án quy hoạch nguồn nước, bảo đảm bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước (công suất, hiệu suất khai thác, chất lượng nước sạch, áp lực nước, tỷ lệ đấu nối, tỷ lệ thất thoát thất thu và đánh giá tình trạng hoạt động các công trình, mạng lưới đường ống cấp nước);

- Đánh giá thực trạng tổ chức quản lý cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn và đánh giá việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực cấp nước.

- Rà soát, đánh giá các quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan; tình hình thực hiện các quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thực tiễn; các chương trình, dự án cấp nước đô thị và nông thôn đã, đang và sẽ triển khai; các dự án hạ tầng kỹ thuật có liên quan đã và đang triển khai thực hiện; xác định thuận lợi, khó khăn.

c) Xác định các chỉ tiêu cấp nước và dự báo nhu cầu cấp nước:

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật để tính toán quy hoạch cấp nước theo: các giai đoạn phát triển; quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa; định hướng phát triển đô thị và nông thôn của Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng được phê duyệt.

- Rà soát, tính toán nhu cầu dùng nước cho các đối tượng dùng nước khu vực đô thị, nông thôn và các khu chức năng… theo từng giai đoạn quy hoạch, trên cơ sở các nội dung trong Quy hoạch chung thành phố được phê duyệt: diện tích, quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa; định hướng phát triển quy mô từng đô thị và nông thôn; phân bố các khu chức năng; các chỉ tiêu cấp nước và các yếu tố khác.

d) Nguồn nước:

- Đánh giá, phân tích và lựa chọn nguồn nước phù hợp với từng khu vực cấp nước; bổ sung, điều chỉnh nguồn phù hợp với tình hình hiện nay và yêu cầu an ninh nguồn nước của thành phố.

- Rà soát, đánh giá và quy hoạch nguồn nước theo các giai đoạn đến năm 2040, đến năm 2050 và tầm nhìn đến năm 2075; tính toán cân đối nguồn nước theo hướng ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt (hệ thống sông Cu Đê, sông Cầu Đỏ, sông Quá Giáng, hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Vĩnh Điện, sông La Thọ, hồ Phú Ninh, sông Tam Kỳ...), từng bước giảm dần khai thác nước dưới đất và thay thế bằng nguồn nước mặt.

- Quy hoạch sử dụng nguồn nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước; quản lý, khai thác hợp lý tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; xác định nguồn nước phục vụ dự án Nhà máy điện LNG Hòa Ninh.

- Đề xuất giải pháp công trình chống xâm nhập mặn đối với các nguồn nước mặt khai thác phục vụ cấp nước.

- Đề xuất giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tăng tỷ lệ tái sử dụng nước.

đ) Phân vùng cấp nước và phương án cấp nước:

- Xác định mối quan hệ vùng về cấp nước; xác định vùng cấp nước đô thị

và nông thôn; xác định vùng cấp nước cho từng nhà máy nước để quản lý, cấp nước an toàn cho thành phố; bảo đảm sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Đa dạng hóa các phương án cấp nước cho đô thị và nông thôn, ưu tiên mô hình cấp nước tập trung và áp dụng tiêu chuẩn chất lượng nước phù hợp với quy định; đối với khu vực dân cư vùng sâu, vùng xa không thể kết nối hệ thống cấp nước tập trung, đề xuất giải pháp cấp nước phân tán, cục bộ.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các phương án phát triển dự án cấp nguồn bảo đảm cấp nước an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; điều chỉnh phạm vi cấp nước của các nhà máy nước quy mô lớn theo các giai đoạn phát triển của thành phố.

e) Quy hoạch nhà máy nước và các công trình đầu mối cấp nước:

- Nghiên cứu cập nhật, điều chỉnh phát triển các nhà máy nước theo các giai đoạn quy hoạch; xác định vị trí, quy mô, công suất, diện tích và yêu cầu về dây chuyền công nghệ dự kiến áp dụng đối với các nhà máy nước, công trình thu, trạm bơm tăng áp; đề xuất công nghệ xử lý nước theo hướng ưu tiên công nghệ tiên tiến.

- Chuyển đổi sử dụng nguồn nước mặt thay thế nguồn nước dưới đất cho các nhà máy, trạm cấp nước ngầm hiện trạng; đề xuất giải pháp chuyển đổi nguồn đối với các nhà máy, trạm cấp nước ngầm dự kiến chuyển đổi; xác định tính chất, chức năng và phương án đối với các trạm cấp nước nông thôn nhỏ lẻ dự kiến dừng hoạt động.

g) Quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước:

- Tính toán, quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước, bao gồm tuyến ống truyền tải và truyền dẫn theo từng khu vực cấp nước, bảo đảm phù hợp với công suất nhà máy theo từng giai đoạn phát triển đô thị, làm cơ sở xác định trong các quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng phát triển mạng lưới. Đối với khu vực nông thôn, quy hoạch mạng lưới cấp nước cần xác định được định hướng phát triển các tuyến ống chính cho khu vực.

- Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, phát triển mạng lưới cấp nước theo từng khu vực cấp nước và từng giai đoạn phát triển; xây dựng hệ thống cấp nước kết nối liên vùng nhằm đa dạng hóa phương án cấp nước cho thành phố.

- Định hướng kết nối các nhà máy nước, vùng cấp nước và vùng phục vụ cấp nước để đảm bảo cấp nước an toàn.

- Kế thừa, lồng ghép chương trình cấp nước sạch nông thôn đang triển khai và đã có kế hoạch triển khai vào quy hoạch cấp nước thành phố, theo mô hình cấp nước tập trung và phân tán.

h) Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các nhà máy nước, tuyến ống cấp nước, công trình thu, trạm bơm tăng áp (bao gồm hành lang bảo vệ nếu có theo quy định) theo từng giai đoạn quy hoạch, làm cơ sở triển khai thực hiện và cập nhật vào các quy hoạch đô thị và nông thôn đang triển khai trên địa bàn các xã, phường.

i) Ứng dụng công nghệ và giảm thất thoát, thất thu nước sạch: đề xuất ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống quản lý trong khai thác, vận hành hệ thống và kinh doanh nước sạch, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm và giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu.

k) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường và các quy định bảo vệ nguồn nước, bảo vệ hệ thống cấp nước.

l) Xác định tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn; xác định quy mô, cơ cấu nguồn vốn đầu tư và đề xuất các nguồn vốn; rà soát, cập nhật, xác định danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo tình hình thực tế về cấp nước của thành phố.

m) Quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện quy hoạch: nghiên cứu, đánh giá thuận lợi, bất cập và biện pháp quản lý nhà nước về cấp nước trên địa bàn thành phố; đề xuất mô hình tổ chức quản lý công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước cục bộ; đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch cấp nước; đề xuất giải pháp thu hút xã hội hóa trong đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước.

n) Lập hồ sơ quy hoạch theo cơ sở dữ liệu địa lý (GIS) theo quy định tại Chương V Thông tư số 16/2025/TT-BXD; khởi tạo mã định danh và cập nhật dữ liệu quy hoạch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP và Thông tư số 39/2026/TT-BXD.

6. Thành phần và quy cách hồ sơ

Thành phần, quy cách thể hiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch và hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2025/TT-BXD (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD và Thông tư số 24/2026/TT-BXD), bao gồm:

a) Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và bản đồ khu vực lập quy hoạch cấp nước trên cơ sở quy hoạch chung đã được phê duyệt, tỷ lệ 1/50.000 - 1/250.000;

- Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước, bản đồ hiện trạng địa hình, sử dụng đất tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

- Bản đồ tổng hợp định hướng phát triển không gian và sử dụng đất, tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

- Bản đồ quy hoạch cấp nước, tỷ lệ 1/10.000 đối với khu vực đô thị và 1/25.000 đối với khu vực ngoài đô thị;

- Sơ đồ đánh giá và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000.

b) Báo cáo và tài liệu kèm theo: báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt; các phụ lục tính toán; dự thảo quyết định phê duyệt và các văn bản pháp lý có liên quan.

c) Hồ sơ điện tử:

- Cơ sở dữ liệu số cơ bản: tệp gốc bản vẽ (*.dwg) và tệp thuyết minh, tính

toán (*.docx, *.xlsx);

- Cơ sở dữ liệu số pháp lý: tệp quét (*.pdf) từ bản giấy đã ký, đóng dấu (tờ trình, văn bản pháp lý, bản vẽ đã phê duyệt);

- Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS): các tệp dữ liệu không gian được chuẩn hóa định dạng để đồng bộ lên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

Tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch theo Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng; Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thành phố (kiện toàn tại Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 24/12/2025).

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đơn vị được giao tổ chức lập: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng (sau đây gọi là Ban Quản lý dự án).

4. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: được lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 18 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Điều 5 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP) và Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

5. Thời gian lập quy hoạch: không quá 09 (chín) tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt và lựa chọn được đơn vị tư vấn theo quy định, bảo đảm trong thời hạn tối đa 09 tháng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP.

6. Kinh phí và nguồn vốn: Kinh phí lập Nhiệm vụ quy hoạch và Quy hoạch cấp nước thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 được bố trí từ vốn ngân sách thành phố, kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP), Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Ban Quản lý dự án:

- Hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch theo Quyết định này, gửi Sở Xây dựng kiểm tra, đóng dấu xác nhận.

- Phê duyệt dự toán chi phí và tổ chức lựa chọn tư vấn theo ủy quyền tại Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 27/10/2025. Quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

- Tổ chức lập quy hoạch theo đúng nội dung Điều 1 Quyết định này, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác và quy hoạch không gian ngầm của thành phố. Lập dự thảo Quy định quản lý theo quy hoạch kèm hồ sơ trình thẩm định.

- Tổ chức lấy ý kiến theo Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình và công khai báo cáo tiếp thu, giải trình.

- Xây dựng hồ sơ điện tử (CSDL số cơ bản, pháp lý, GIS) đồng thời trong quá trình lập. Gửi hồ sơ trình thẩm định và cập nhật dữ liệu quy hoạch qua Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng, gắn với mã định danh đã khởi tạo.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt.

b) Sở Xây dựng: kiểm tra, đóng dấu xác nhận hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch đã phê duyệt. Hướng dẫn Ban Quản lý dự án và tổ chức tư vấn trong quá trình lập. Chủ trì thẩm định quy hoạch trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Kiểm tra, đóng dấu hồ sơ quy hoạch sau khi phê duyệt. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án cập nhật hồ sơ quy hoạch đã phê duyệt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

c) Sở Tài chính: tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí kinh phí lập quy hoạch trong kế hoạch kinh phí hằng năm cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP); hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bố trí kinh phí theo ủy quyền theo khoản 4 Điều 2 Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 27/10/2025.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường: cung cấp thông tin về quy hoạch, cấp phép và hiện trạng khai thác tài nguyên nước, diễn biến xâm nhập mặn, chương trình cấp nước sạch nông thôn. Phối hợp xác định nguồn nước và lộ trình chuyển đổi nguồn nước dưới đất.

đ) Sở Công Thương: cung cấp nhu cầu dùng nước của các dự án năng lượng, khu, cụm công nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý.

e) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: cung cấp số liệu. Phối hợp tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo khoản 7 Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

g) Các đơn vị cấp nước trên địa bàn và các sở, ngành liên quan: cung cấp số liệu hiện trạng, kế hoạch phát triển và tham gia ý kiến trong quá trình lập quy hoạch.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SXD, BDDHTKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH